

Số: /2021/NQ-HĐND

Lạng Sơn, ngày tháng 7 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí của các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN KHOÁ XVII, KỲ HỌP THỨ HAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

Xét Tờ trình số 90 /TTr-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc ban hành Nghị quyết quy định mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí của các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí nhằm phục vụ các nhu cầu thiết yếu của trẻ em, học sinh (sau đây gọi chung là học sinh) trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, Trung tâm Giáo dục thường xuyên, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, Trung tâm Giáo dục thường xuyên, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên công lập (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục) trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn. Trẻ mầm non, học sinh học tập tại các cơ sở giáo dục trên.

b) Các cơ quan nhà nước, các tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc chung

1. Thực hiện thu đúng, thu đủ chi, sử dụng đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả; trước khi thu phải có dự toán thu, chi của từng khoản thu; phải được sự thoả thuận của phụ huynh học sinh bằng văn bản trên tinh thần tự nguyện, có sự thống nhất của Hội đồng trường và được cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp (theo phân cấp quản lý) phê duyệt.

2. Đảm bảo công khai, dân chủ, minh bạch trong quá trình tổ chức thu, khi sử dụng phải đúng mục đích theo quy định hiện hành.

3. Các cơ sở giáo dục tổ chức thu các khoản thu theo quy định, mức thu từng khoản phải phù hợp với tình hình thực tế của các cơ sở giáo dục, điều kiện kinh tế - xã hội, thu nhập của phụ huynh học sinh. Không nhất thiết phải thu đầy đủ các khoản thu tại Nghị quyết này.

4. Khuyến khích phụ huynh học sinh có điều kiện kinh tế tự nguyện đóng góp, ủng hộ cho nhà trường và học sinh với mức cao hơn Nghị quyết này. Các cơ sở giáo dục thống nhất với Hội đồng trường xem xét miễn, giảm các khoản thu đối với học sinh thuộc đối tượng chính sách, gia đình hộ nghèo, hộ cận nghèo.

Điều 3. Mức thu tối đa các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu tối đa tại các cơ sở giáo dục		Hình thức thu
			thành phố, thị trấn	các xã	
1	2	3	4	5	6
I	Các khoản thu dịch vụ phục vụ				
1	Tiền phục vụ hoạt động bán trú (trừ học sinh bán trú theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn; Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non)				
a	Tiền ăn đối với trường tổ chức ăn bán trú	đồng/học sinh/tháng	Theo thỏa thuận với phụ huynh học sinh		Thu theo số ngày thực ăn của học sinh

b	Tiền phục vụ chăm sóc bán trú				
-	Tiền trông học sinh buổi trưa	đồng/học sinh/tháng	120.000	110.000	Thu theo tháng
-	Tiền thuê nhân viên nấu ăn	đồng/học sinh/tháng	100.000	90.000	Thu theo tháng
2	Tiền dạy học tăng thời lượng học 2 buổi/ngày				
a	Cơ sở giáo dục tiểu học	đồng/học sinh/buổi	8.000	7.500	Thu theo tháng
b	Cơ sở giáo dục trung học, Trung tâm Giáo dục thường xuyên, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	đồng/học sinh/tiết	5.000	4.500	Thu theo tháng
3	Tiền phục vụ các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp		Theo thỏa thuận với phụ huynh học sinh		Theo từng hoạt động
II	Các khoản thu hỗ trợ hoạt động giáo dục				
1	Tiền mua sắm vật dụng dùng chung phục vụ bán trú (giường, chiếu, chăn, bàn ăn, chạn bát, xoong, nồi, bếp ga, bát, đĩa, cốc, các vật dụng khác)				
a	Trang bị đầu cấp	đồng/học sinh/năm học	160.000	145.000	Thu theo năm học
b	Trang bị hàng năm	đồng/học sinh/năm học	100.000	100.000	Thu theo năm học
2	Tiền nước uống	đồng/học sinh/tháng	8.000	8.000	Thu theo năm học
3	Tiền điện, nước sinh hoạt				
a	Đối với cơ sở giáo dục đã tách đồng hồ đo mức tiêu thụ điện, nước khu lớp học riêng, khu hiệu bộ riêng	đồng/học sinh/tháng	Thu theo hóa đơn thực tế		Thu theo học kì, trên cơ sở dự toán mức điện, nước tiêu thụ từng tháng.
b	Đối với cơ sở giáo dục chưa tách đồng hồ đo mức tiêu thụ điện, nước khu lớp học riêng, khu hiệu bộ riêng	đồng/học sinh/tháng	Thu tối đa 80% giá trị hóa đơn thực tế		
4	Tiền vệ sinh trường học				
a	Cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học	đồng/học sinh/tháng	25.000	20.000	Thu theo học kỳ
b	Cơ sở giáo dục trung học, Trung tâm Giáo dục thường xuyên, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	đồng/học sinh/tháng	15.000	13.000	Thu theo học kỳ

5	Tiền mua các loại đồ dùng phục vụ học tập, hoạt động giáo dục (thẻ học sinh, sổ liên lạc giấy, ghế ngồi và các vật dụng khác)	đồng/học sinh/năm học	150.000	135.000	Thu theo năm học
6	Tiền vật phẩm và vật liệu phục vụ thi, kiểm tra				
a	Tiền phô tô đề kiểm tra định kì				
-	Cơ sở giáo dục tiểu học	đồng/học sinh/năm học	60.000	55.000	Thu theo năm học
-	Cơ sở giáo dục trung học, Trung tâm Giáo dục thường xuyên, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	đồng/học sinh/năm học	80.000	80.000	Thu theo năm học
b	Tiền tổ chức thi thử, luyện kỹ năng làm bài thi	đồng/môn thi/lần thi	15.000	15.000	Thu theo học kỳ

Điều 4. Trường hợp phát sinh các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí, ngoài các khoản thu được quy định tại Điều 3 Nghị quyết này thì cơ sở giáo dục thoả thuận với phụ huynh học sinh, báo cáo cấp có thẩm quyền trên cơ sở đảm bảo các nguyên tắc quy định tại Điều 2 Nghị quyết này.

Điều 5. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này từ năm học 2021 - 2022.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn Khóa XVII, kỳ họp thứ hai thông qua ngày 17 tháng 7 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2021./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Nội vụ, GD&ĐT, Tài chính;
- Vụ Pháp chế, Bộ GD&ĐT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- C, PCVP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- C, PCVP UBND tỉnh;
- Công báo Lạng Sơn, Báo Lạng Sơn, Đài PTTH tỉnh; Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, HS Kỳ họp.

CHỦ TỊCH

Đoàn Thị Hậu